

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 505/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 01/7/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

***\*/- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Đông

Ông Nguyễn Ron

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương

*Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định*

- *Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Quang Lâm - Kiểm sát viên

\*\*\*

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 6/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2021/QĐST - HNGĐ ngày 04/6/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Thanh T, sinh năm 1983 (có mặt)

*Bị đơn:* Anh Võ Văn T1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 7, khu vực 7, P. N, TP. Q, Bình Định

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị Thanh T trình bày:* Chị và anh T1 kết hôn ngày 23/3/2006 tại UBND phường N, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, bình thường đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 có quan hệ với người phụ nữ khác và không có trách nhiệm với gia đình. Chị đã cố gắng khuyên nhủ để anh T1 suy nghĩ lại, quay về với chị để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung nhưng anh T1 vẫn không thay đổi. Vì thương các con và không muốn gia đình đổ vỡ nên chị chấp nhận sống như vậy đã hơn 4 năm, thời gian qua giữa chị và anh T1 đã phai nhạt tình cảm, không có sự chia sẻ,

quan tâm nhau trong cuộc sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung tên Võ Hà Như T2, sinh ngày 23/6/2005 và Võ Hà Anh T3, sinh ngày 23/7/2007, sức khỏe các cháu bình thường. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu T2, thống nhất giao cháu T3 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Võ Văn T1:* không nộp bản tự khai và vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Thành vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

\* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung của nguyên đơn có căn cứ pháp luật phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Chị T và anh T1 kết hôn ngày 23/3/2006 tại UBND phường N, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung của chị T đối với anh T1 và căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Hiện anh T1 đang cư trú tại tổ 7, khu vực 7, phường N, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn. Theo chị T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 có quan hệ với người phụ nữ khác từ năm 2011 cho đến nay nên ít dành thời gian cho gia đình, chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Thành vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. giữa anh T1 và chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên xin được ly hôn với anh T1.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, tôn trọng và chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng qua lời trình bày của chị T thì giữa chị T và anh T1 đã xảy ra mâu thuẫn, giữa hai bên không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T1 không đến Tòa làm việc, chứng tỏ anh T1 không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T xin được ly hôn anh T1 là phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung tên: Võ Hà Như T2, sinh ngày 23/6/2005 và Võ Hà Anh T3, sinh ngày 23/7/2007, sức khỏe bình thường, hiện cháu T3 đang sống với anh T1, cháu T2 đang sống với chị T. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu T2, thống nhất giao cháu T3 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cháu T3 có nguyện vọng được ở với ba, cháu T2 có nguyện vọng được ở với mẹ, việc chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, thống nhất giao cháu T3 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

#### **Tuyên xử:**

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hà Thị Thanh T được ly hôn anh Võ Văn T1.

2. **Về nuôi con chung:** Giao **cháu Võ Hà Như T2**, sinh ngày 23/6/2005 cho chị Hà Thị Thanh T **trực tiếp nuôi dưỡng**.

Giao **cháu Võ Hà Anh T3**, sinh ngày 23/7/2007 cho anh Võ Văn T1 **trực tiếp nuôi dưỡng**.

- **Việc cấp dưỡng nuôi con:** Chị T, anh T1 **không yêu cầu Tòa án giải quyết**.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung:** Hà Thị Thanh T và anh Võ Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. **Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Chị T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003453 ngày 23/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị T đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành*

*án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Minh Hòa**



